TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2023
"V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Phúc Định.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Khắc Hoàn và bà Vũ Thị Lâm
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Chung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2023 về việc: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995.
Địa chỉ: khu Hưng Hòa, phường Cg H, thị xã Qg Y, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Đồng Văn Th, sinh năm 1988.
Địa chỉ: khu Hưng Hòa, phường Cg H, thị xã Qg Y, tỉnh Quảng Ninh - Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Đồng Văn Th tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường Cg H, thị xã Qg Y, tỉnh Quảng Ninh và sinh sống tại địa chỉ: khu Hưng Hòa, phường Cg H, thị xã Qg Y, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã không thể hàn gắn được, đã ly thân từ lâu, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng không có kết quả hàn gắn. Nay chị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Th.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị L và anh Đồng Văn Th có 03 con chung là Đồng Thị Chi M, sinh ngày 29/12/2013; Đồng Hải Đg, sinh năm 02/9/2017 và Đồng Mỹ D, sinh năm 20/5/2019. Khi ly hôn chị L không muốn các con tách rời nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Th nuôi cả 3 con và cấp dưỡng mỗi con 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*/1 tháng.

- *Về tài sản chung và vay nợ chung:* Không có tài sản chung và vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đồng Văn Th có trình bày quan điểm: Anh Đồng Văn Th và chị Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cg H, thị xã Qg Y, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại khu Hưng Hòa, phường Cg H, thị xã Qg Y, tỉnh Quảng Ninh, trong quá trình chung sống chị Lý không quan tâm đến gia đình nên sảy ra mâu thuẫn và đã bỏ đi khỏi nhà được hơn 2 năm. Nay chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh, anh hoàn toàn đồng ý. Anh Đồng Văn Th và chị Nguyễn Thị L có 03 con chung là Đồng Thị Chi M, sinh ngày 29/12/2013; Đồng Hải Đg, sinh năm 02/9/2017 và Đồng Mỹ D, sinh năm 20/5/2019. Khi ly hôn anh Th đề nghị Tòa án giải quyết cho anh nuôi cả 3 con và yêu cầu chị L cấp dưỡng mỗi con 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*/1 tháng. Về tài sản chung và vay nợ chung không không có và yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/7/2023 Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tiến hành lập biên bản xác minh qua ông Trần Việt Cg - Trưởng khu Hưng Hòa, phường Cg H, thị xã Qg Y, tỉnh Quảng Ninh cung cấp: Chị Nguyễn Thị L và anh Đồng Văn Th kết hôn với nhau vào năm 2013, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Cg H, thị xã Qg Y, tỉnh Quảng Ninh và sinh sống tại địa chỉ: khu Hưng Hòa, phường Cg H, thị xã Qg Y, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị L đã sống ly thân với anh Th. Nay chị L yêu cầu giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đồng Văn Th có 03 con chung là Đồng Thị Chi M, sinh ngày 29/12/2013; Đồng Hải Đg, sinh năm 02/9/2017 và Đồng Mỹ D, sinh năm 20/5/2019; hiện nay các con chung đang ở với anh Th. Nếu ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

Về tài sản địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

I. VỀ VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử,

mở phiên tòa đảm bảo theo quy định tại các Điều 203, 204, 205, 206, 207, 208 và Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm giải quyết vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đã cơ bản chấp hành, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Đồng Văn Th chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định tại Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Đồng Văn Th vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

II. VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, bản tự khai của các đương sự và kết quả Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ.

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Xử chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đồng Văn Th.

Về con chung: Giao cả 03 con chung, các cháu Đồng Thị Chi M, sinh ngày 29/12/2013; Đồng Hải Đg, sinh năm 02/9/2017 và Đồng Mỹ D, sinh năm 20/5/2019, cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*/ 01 cháu/ 01 tháng.

Về tài sản và công nợ chung: Chị L và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện về việc ly hôn với anh Đồng Văn Th và cung cấp các tài liệu làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Bị đơn anh Đồng Văn Th có nơi cư trú tại khu Hưng Hòa, phường Cg H, thị xã Qg Y, tỉnh Quảng Ninh. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có mặt; bị đơn anh Đồng Văn Th đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt *(có đơn xin xử vắng mặt)*. Do đó Hội đồng xét xử

xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Đồng Văn Th có đăng ký kết hôn từ năm 2013 cho đến nay là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo hộ. Hội đồng xét xử xét thấy để cuộc sống vợ chồng hôn nhân tồn tại, mục đích hôn nhân đạt được thì phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của hai bên vợ chồng, tình cảm phải trên cơ sở tự nguyện từ hai phía, phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị L và anh Đồng Văn Th phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân hơn 2 năm, trong quá trình sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đồng Văn Th đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Đồng Văn Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị L và anh Đồng Văn Th có 03 con chung là Đồng Thị Chi M, sinh ngày 29/12/2013; Đồng Hải Đg, sinh năm 02/9/2017 và Đồng Mỹ D, sinh năm 20/5/2019. Chị L và anh Th đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Th được nuôi cả 3 con và yêu cầu chị L cấp dưỡng mỗi con 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*/1 tháng. Xét thấy yêu cầu của chị L và anh Th là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này là phù hợp với Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị L và anh Th trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đồng Văn Th.

2. *Về con chung:* Giao 03 (ba) con chung là Đồng Thị Chi M, sinh ngày 29/12/2013; Đồng Hải Đg, sinh năm 02/9/2017 và Đồng Mỹ D, sinh năm 20/5/2019, cho anh Đồng Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18

tuổi). Chị Nguyễn Thị L phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*/01 con/01 tháng, kể từ tháng 9/2023 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau ly hôn, đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đồng thời đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị L đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010219 ngày 24/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Qg Y, tỉnh Quảng Ninh, chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị L phải nộp vào ngân sách Nhà nước 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp chị Nguyễn Thị L vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo thời hạn nêu trên thì anh Đồng Văn Th có quyền ngay lập tức liên hệ cơ quan thi hành án có thẩm quyền để yêu cầu thi hành án. Kể từ ngày anh Đồng Văn Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nêu trên thì chị Nguyễn Thị L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND thị xã Quảng Yên.
- Chi cục THADS thị xã Qg Y.
- UBND phường Cg H, thị xã Qg Y, tỉnh Quảng Ninh (Nơi ĐKKH)
- Các đương sự.
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phúc Định